|  |  |
| --- | --- |
| SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **BỆNH VIỆN ĐK HUYỆN BẮC YÊN** | **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: 36/BC-BV | *Bắc Yên, ngày 12 tháng 01 năm 2024* |

# BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện chỉ số chất lượng bệnh viện năm 2023**

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BYT ngày 12/7/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý chất lượng khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện;

Căn cứ Quyết định 7051/QĐ-BYT ngày 29/11/2016 của Bộ Y tế về việc Ban hành hướng dẫn xây dựng thí điểm một số chỉ số cơ bản đo lường chất lượng bệnh viện;

Thực hiện kế hoạch số 158/KH-BVKVNH ngày 20/2/2023 của Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên về Kế hoạch Xây dựng chỉ số chất lượng bệnh viện năm 2023;

Dựa vào kết quả thực hiện chỉ số chất lượng năm 2023 của các khoa/phòng, Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên báo cáo kết quả triển khai thực hiện chỉ số chất lượng bệnh viện năm 2023, như sau:

1. **Kết quả thực hiện** *(Có phụ lục kèm theo).*

# Ưu điểm

* + Các khoa phòng đã xây dựng và thực hiện giám sát chỉ số chất lượng.
  + Các chỉ số chất lượng được theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả thực

hiện.

* + Thời gian nằm viện trung bình của bệnh nhân tại bệnh viện đạt 6,95 ngày.
  + Tỷ lệ viên chức trong bệnh viện được nâng lương đúng thời hạn đạt 100%.
  + Thời gian chờ đến lượt khám và thời gian chờ kết quả cận lâm sàng của người bệnh tại khoa Khám bệnh được rút ngắn (thời gian chờ khám: 11 phút/ lượt, thời gian chờ kết quả cận lâm sàng: 26 phút/ lượt).
  + Số người bệnh đến tái khám đúng lịch đối với các bệnh mạn tính điều trị dài ngày đạt tỉ lệ cao 88%.
  + Tỷ lệ các trường hợp mổ đẻ được thực hiện đầy đủ cắt rốn chậm, da kề da, bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh đạt 34,9%.
  + Các dịch vụ chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm trả kết quả đúng thời gian quy định.

# Tồn tại

* + Công suất sử dụng giường bệnh (giường thực kê) chiếm tỉ lệ thấp ở các khoa (Khoa Nội 60%, Phụ Sản 65%, HSCC 64%).
  + Tại Khoa HSCC vẫn còn trường hợp người bệnh chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh) chiếm tỷ lệ 11,45%.
  + Tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh

chiếm tỉ lệ hài lòng chỉ đạt 91,4%.

* + Có 02 trường hợp bệnh nhân bị nhiễm khuẩn vết mổ tại bệnh viện trên 616 ca mổ, chiếm 0,32%

# Giải pháp cải tiến

* + Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên y tế, đảm bảo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, hiệu quả trong điều trị cho người bệnh.
  + Chú trọng triển khai áp dụng những kỹ thuật mới vào công tác điều trị và chăm sóc bệnh nhân. Triển khai các biện pháp giám sát chất lượng khám và điều trị bệnh.
  + Tăng cường công tác chăm sóc toàn diện, tư vấn giáo dục nâng cao sức khoẻ, tư vấn chế độ dinh dưỡng trong thời gian nằm viện cho người bệnh.
  + Phòng Điều dưỡng - Quản lý chất lượng - Công tác xã hội phối hợp với khoa, phòng tiếp tục phổ biến các quy trình chuyên môn, kỹ thuật cho toàn thể nhân viên trong bệnh viện biết để thực hiện.
  + Tiếp tục đào tạo, đầu tư trang thiết bị nâng cao kỹ thuật chuyên môn, triển khai thêm một số kỹ thuật cao tại bệnh viện nhằm hạn chế tối đa việc chuyển bệnh nhân đi tuyến khác.
  + Tăng cường quảng bá các hoạt động chuyên môn, triển khai kỹ thuật mới, kỹ thuật cao của bệnh viện để bệnh nhân và người dân được biết.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chỉ số chất lượng năm 2023 tại Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban giám đốc;  - Các khoa, phòng;  - Lưu VT; Tổ QLCL. |  | **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Trung Kiên** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số** | **Bộ phận thực hiện** | **Lĩnh vực áp dụng** | **Tần số báo cáo** | **Chỉ tiêu** | **Kết quả thực hiện** | | |
| **Tử số** | **Mẫu số** | **Kết quả** |
| Tỷ lệ hài lòng chung của người  bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh | Phòng Điều dưỡng - Quản lý chất lượng - Công tác xã hội | Toàn bệnh viện | Hàng quý | ≥ 90% | 18.046 | 18.538 | 97% |
| Tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh ngoại trú với dịch vụ khám  chữa bệnh | Toàn bệnh viện | Hàng quý | ≥ 90% | 17.243 | 18.538 | 93% |
| Thời gian nằm viện trung bình của bệnh nhân nằm điều trị tại bệnh  viện | Phòng Kế hoạch tổng hợp | Toàn bệnh viện | Hàng quý | < 7  ngày | 48.472 | 8.893 | 6,95 ngày |
| Tỷ lệ viên chức trong bệnh viện  được nâng lương đúng thời hạn | Phòng Tổ chức  hành chính | Toàn bệnh  viện | 6 tháng, 12  tháng | 100% | 29 | 29 | 100% |
| Trung bình thời gian chờ đến lượt  khám của người bệnh tại khoa Khám bệnh | Khoa Khám bệnh | Phòng khám | Hàng quý | < 15  phút | 250 | 2.850 | 11 phút |
| Trung bình thời gian chờ kết quả cận lâm sàng của người bệnh tại  khoa Khám bệnh | Phòng khám | Hàng quý | < 25  phút | 250 | 6.450 | 26 phút |
| Tỉ lệ người bệnh tái khám đúng lịch đối với các bệnh mạn tính  điều trị dài ngày | Phòng khám | Hàng quý | > 85% | 250 | 222 | 88% |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh) | Khoa HSCC | Nội khoa | Hàng quý | < 5% | 147 | 1.283 | 11,45%  *(không đạt)* |
| Công suất sử dụng giường bệnh thực tế | Khoa Nội TH | Nội khoa | Hàng quý | ≥ 90% | 15.439 | 22.250 | 60%  *(không đạt)* |
| Tỷ lệ các trường hợp mổ đẻ được thực hiện đầy đủ cắt rốn chậm, da kề da, bú sớm trong 1 giờ đầu sau  sinh | Khoa Phụ sản | Phụ sản | Hàng quý | ≥ 30% | 50 | 143 | 34,9% |
| Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ | Khoa Kiểm soát  nhiễm khuẩn | Ngoại khoa | Hàng quý | 1,5% | 2 | 616 | 0,32% |
| Thời gian trả kết quả kịp thời các dịch vụ xét nghiệm cho khách  hàng | Khoa Xét nghiệm | Xét nghiệm | Hàng quý | ≤ 5% | 11 | 480 | 2,3% |